

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Khoản phải thu khác ngắn hạn	176.798.022.597	(37.648.768.635)	83.748.362.811	(18.876.033.642)
Phải thu về tạm ứng bồi thường	2.641.972.647	(1.485.046.045)	1.149.766.747	(844.034.149)
Phải thu khác	31.382.467.259	(11.092.446.830)	21.988.068.195	(6.039.387.417)
<i>TT ĐT quản lý DN</i>	2.401.870.500	(2.187.252.500)	2.401.870.500	(1.775.964.900)
<i>Cty Animus</i>	7.192.272.831	(2.172.150.713)	4.697.265.563	(719.426.891)
<i>Cty Dảm bảo Vina</i>	7.273.103.930	(3.881.649.547)	5.749.597.081	(2.333.890.833)
<i>Cty Thái Bào</i>	4.226.582.477	(1.141.271.694)	2.442.005.398	(268.266.646)
<i>Cty CP Cấp nước Aquaone</i>	6.700.000.000	(166.023.112)	3.131.495.713	-
<i>Phải thu khác</i>	3.588.637.521	(1.544.099.265)	3.565.833.940	(941.838.147)
Tạm ứng	142.639.658.477	(25.071.275.760)	60.474.103.655	(11.992.612.076)
<i>Tạm ứng nghiệp vụ năm trước</i>	560.158.056	(2.000.000)	560.158.056	(2.000.000)
<i>Tạm ứng nghiệp vụ trong năm</i>	140.602.548.976	(25.063.275.760)	58.616.130.754	(11.984.612.076)
<i>Tạm ứng khác của CBCNV</i>	1.476.951.445	(6.000.000)	1.297.814.845	(6.000.000)
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	133.924.214	-	136.424.214	-
Khoản phải thu khác dài hạn	61.623.278.248	-	61.608.529.488	-
Phải thu khác dài hạn	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
<i>Cty CP Cấp nước AquaOne (*)</i>	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.623.278.248	-	1.608.529.488	-
<i>Đặt cọc thuê văn phòng</i>	229.000.000	-	304.995.000	-
<i>Ký quỹ bảo lãnh</i>	755.467.428	-	1.293.534.488	-
<i>Ký quỹ khác</i>	638.810.820	-	10.000.000	-
Cộng	238.421.300.845	(37.648.768.635)	145.356.892.299	(18.876.033.642)

(*) Khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 0607/202/HTKD-VASS (22/12/2022) giữa Công ty CP Bảo hiểm Viên Đông và Công ty CP Cấp nước Aqua One về hợp tác để Công ty Cấp nước Aquaone thực hiện dự án đầu tư phát triển mạng lưới phân phối nước sạch các huyện thuộc Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm.

5. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ấn chỉ, Hóa đơn	125.776.787	-	420.341.760	-
Văn phòng phẩm, ấn phẩm khác	80.605.473	-	43.507.613	-
Cộng	206.382.260	-	463.849.373	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí trả trước	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí trả trước ngắn hạn	18.898.174.968	20.955.750.729
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	654.440.757	539.664.863
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	<i>654.440.757</i>	<i>539.664.863</i>
Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc và nhận tái chưa phân bổ (q)	18.243.734.211	20.416.085.866
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>20.416.085.866</i>	<i>24.758.401.983</i>
<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>16.758.711.398</i>	<i>691.006.024</i>
<i>Hoàn nhập trong năm</i>	<i>18.931.063.053</i>	<i>5.033.322.141</i>
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>18.243.734.211</i>	<i>20.416.085.866</i>
Chi phí trả trước dài hạn	349.690.157	100.220.277
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	114.100.000	36.000.000
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	235.590.157	64.220.277
Cộng	19.247.865.125	21.055.971.006

(q) Hoa hồng bảo hiểm gốc và nhận tái thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của kỳ phát sinh tương ứng với doanh thu phí chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí đã đăng ký với Bộ tài chính.

7. Tài sản tái bảo hiểm (xem chi tiết thuyết minh V.17 trang 47 - 48)	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19.621.477.528	44.893.569.555
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	4.322.046.453	6.582.734.320
Cộng	23.943.523.981	51.476.303.875

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	256.336.000.000	7.119.528.696	4.232.562.408	267.688.091.104
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	<i>(1.129.102.216)</i>	<i>(1.129.102.216)</i>
Số dư cuối năm	256.336.000.000	7.119.528.696	3.103.460.192	266.558.988.888
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	24.031.500.000	4.471.466.915	4.081.281.767	32.584.248.682
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>6.408.400.000</i>	<i>491.834.702</i>	<i>67.766.755</i>	<i>6.968.001.457</i>
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	<i>(1.129.102.216)</i>	<i>(1.129.102.216)</i>
Số dư cuối năm	30.439.900.000	4.963.301.617	3.019.946.306	38.423.147.923
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	232.304.500.000	2.648.061.781	151.280.641	235.103.842.422
Số dư cuối năm	225.896.100.000	2.156.227.079	83.513.886	228.135.840.965

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 225.896.100.000 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.680.497.979 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: Không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	128.914.000.000	23.684.150.000	152.598.150.000
Số dư cuối năm	128.914.000.000	23.684.150.000	152.598.150.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	9.022.197.324	9.022.197.324
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	2.718.073.892	2.718.073.892
Số dư cuối năm	-	11.740.271.216	11.740.271.216
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	128.914.000.000	14.661.952.676	143.575.952.676
Số dư cuối năm	128.914.000.000	11.943.878.784	140.857.878.784

* Quyền sử dụng đất gồm Quyền sử dụng đất tại số 04 Lê Hồng Phong, thành phố Huế và số 19 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 123.964.000.000 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.210.150.000 VND

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: chưa phát sinh.

* Các thay đổi khác về tài sản cố định vô hình: Không có.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
Mua sắm TSCĐ	2.912.400.000	8.894.777.520
Chi phí mua phần mềm quản lý (We Digital)	-	5.982.377.520
Chi phí mua phần mềm App (Microlink Innovation SDN Bhd)	2.912.400.000	2.912.400.000
Cộng	2.912.400.000	8.894.777.520

11. Vay và nợ

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ ngắn hạn	37.629.041.018	37.629.041.018	45.905.926.411	45.905.926.411
Vay ngắn hạn	2.468.188.098	2.468.188.098	13.492.133.315	13.492.133.315
Ngân hàng Indovina- Bến Thành	2.468.188.098	2.468.188.098	9.987.429.315	9.987.429.315
Vay cá nhân	-	-	3.504.704.000	3.504.704.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	35.160.852.920	35.160.852.920	32.413.793.096	32.413.793.096
Ngân hàng Indovina- Bến Thành	12.494.189.096	12.494.189.096	12.413.793.096	12.413.793.096
Ngân hàng Indovina-Thiên Long	19.999.997.160	19.999.997.160	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay cá nhân	2.666.666.664	2.666.666.664	-	-
Vay dài hạn	106.941.575.844	106.941.575.844	110.689.655.196	110.689.655.196
Vay ngân hàng	102.850.638.508	102.850.638.508	110.689.655.196	110.689.655.196
Ngân hàng Indovina- Bến Thành	77.850.638.508	77.850.638.508	80.689.655.196	80.689.655.196
Ngân hàng Indovina-Thiên Long	25.000.000.000	25.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay cá nhân	4.090.937.336	4.090.937.336	-	-
Cộng	144.570.616.862	144.570.616.862	156.595.581.607	156.595.581.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh các khoản nợ vay gồm các hợp đồng sau:

Gồm cả các hợp đồng vay sau:

Ngân hàng Indovina - CN Bến Thành

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
No.32/2018/LTLr/6300572	03/10/2018	03/10/2033	10,5%/năm	Bất động sản
Số 13/0522/CLr/6300572	08/06/2022	08/06/2023	Theo giấy nhận nợ	Bất động sản

Ngân hàng Indovina - CN Thiên Long

57/2021/HDTH/IVBTL-VASS	23/07/2021	23/07/2025	1 năm đầu: 10,5%/năm Từ năm thứ 2: Ls cơ sở + 3,9%/năm	Bất động sản và Hợp đồng tiền gửi
-------------------------	------------	------------	---	--------------------------------------

Vay bà Đỗ Thị Kim Liên

Số 01/2022/VASS - DOLIEN	22/02/2023	22/02/2026	0%/năm	Tin chấp
-----------------------------	------------	------------	--------	----------

12. Phải trả cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
Phải trả người bán ngắn hạn	98.885.410.940	112.736.723.790
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	67.760.771.797	81.520.987.019
Phải trả về chi bồi thường và trả tiền Bảo hiểm gốc	24.789.809.887	21.505.991.561
Phải trả phí giám định tổn thất	554.904.878	902.606.078
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm gốc	56.435.244	-
Phải trả về chi bồi thường, chi khác nhận tái	15.151.408.813	16.010.546.508
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	27.208.212.975	43.101.842.872
Phải trả khác cho người bán	31.124.639.143	31.215.736.771
Phải trả khác cho người bán	31.124.639.143	31.215.736.771
Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam	9.737.918.843	9.734.418.843
Quy Bảo vệ người được bảo hiểm - Bộ Tài chính	18.053.161.634	18.053.161.634
Phải trả khác	3.333.558.666	3.428.156.294
Cộng	98.885.410.940	112.736.723.790

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	1.921.257.785	26.799.205.001	26.677.077.034	2.043.385.752
Thuế thu nhập cá nhân	687.290.993	701.722.019	971.426.998	417.586.014
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.540.862.167	487.547.122	1.451.942.165	576.467.124
Các loại thuế khác	713.408.301	361.195.194	569.821.351	504.782.144
Thuế TNCN đại lý về họa hồng	629.879.723	328.695.194	529.032.773	429.542.144
Thuế nhà thầu nước ngoài	83.528.578	-	8.288.578	75.240.000
Thuế môn bài	-	32.500.000	32.500.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	83.113.761	17.973.888	101.087.649	-
Cộng	4.945.933.007	28.367.643.224	29.771.355.197	3.542.221.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Phải trả người lao động	31/12/2023	01/01/2023	
Lương kinh doanh	17.338.989.770	16.230.253.621	
Cộng	17.338.989.770	16.230.253.621	
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2023	01/01/2023	
Kinh phí công đoàn	140.962.454	209.463.282	
Bảo hiểm xã hội	598.665.867	4.397.127.668	
Bảo hiểm y tế	36.042.240	37.035.432	
Bảo hiểm thất nghiệp	16.085.440	16.159.736	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.346.732.206	9.689.284.095	
<i>Phí bảo hiểm tạm thu</i>	<i>2.225.765.826</i>	<i>3.034.444.611</i>	
<i>Phải trả Tổng công ty thuộc là Việt Nam (o)</i>	<i>2.514.380.891</i>	<i>2.720.033.391</i>	
<i>Phải trả khác</i>	<i>8.606.585.489</i>	<i>3.934.806.093</i>	
Cộng	14.138.488.207	14.349.070.213	
<i>(o) Khoản nợ gốc và lãi tiền VINATABA nộp tăng vốn nhưng không phát hành thành công. Công ty đang tiến hành hoàn trả dần số tiền này và thông qua việc hợp tác ký các hợp đồng bảo hiểm với Vinataba để cân trừ nợ.</i>			
16. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	Năm 2023	Năm 2022	
Số dư đầu năm	3.585.702.624	5.648.339.675	
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	2.098.776.441	-	
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	1.531.449.885	2.062.637.051	
Số dư cuối năm	4.153.029.180	3.585.702.624	
17. Dự phòng nghiệp vụ (chi tiết xem trang số 47-48).			
18. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2023	01/01/2023	
Doanh thu chưa thực hiện	-	91.200.000	
Cộng	-	91.200.000	
19. Vốn chủ sở hữu			
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (chi tiết xem trang số 46)			
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Bamboo Capital (BCG)	37,14%	260.000.000.000	260.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Một trăm	6,43%	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư AAA Plus	3,57%	25.000.000.000	25.000.000.000
Các nhà đầu tư khác	52,86%	370.000.000.000	370.000.000.000
Cộng	100,00%	700.000.000.000	700.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	700.000.000.000	700.000.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	700.000.000.000	700.000.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Cổ tức	Năm 2023	Năm 2022
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ	Chưa công bố	Không có
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>		
d. Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(10.200)	(10.200)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.989.800	69.989.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.989.800	69.989.800
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2023	01/01/2023
Quỹ dự trữ bắt buộc	2.371.872.054	2.371.872.054
Cộng	2.371.872.054	2.371.872.054
20. Tài sản thuê ngoài	31/12/2023	01/01/2023
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	1.283.395.454	2.199.876.000
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	957.400.000	10.999.380.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2023	Năm 2022
01. Doanh thu phí bảo hiểm		
Phí bảo hiểm gốc	493.039.466.059	491.840.524.945
Các khoản giảm trừ bảo hiểm gốc	(1.012.552.273)	(71.580.077.237)
<i>Giảm phí bảo hiểm gốc</i>	(330.000)	(297.835.010)
<i>Hoàn phí bảo hiểm gốc</i>	(1.012.222.273)	(71.282.242.227)
Phí nhận tái bảo hiểm	4.861.966.914	4.073.421.529
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	10.700.027.713	80.659.937.066
Cộng	507.588.908.413	504.993.806.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
02. Phí nhượng tái bảo hiểm		
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	34.856.916.006	24.705.938.578
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	25.272.092.028	63.069.430.100
Cộng	60.129.008.034	87.775.368.678
03. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	8.417.818.213	9.831.103.073
Cộng	8.417.818.213	9.831.103.073
04. Tổng chi bồi thường bảo hiểm		
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	51.051.106.322	78.091.666.013
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	23.181.927	2.481.177.402
Thu hồi bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(3.166.870.688)	(7.025.821.526)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần	11.953.656.006	(29.906.009.949)
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.260.687.866	6.709.201.042
Cộng	62.121.761.433	50.350.212.982
05. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		
Chi hoa hồng bảo hiểm	63.114.278.240	71.817.031.043
Chi về dịch vụ đại lý	-	1.058.060.595
<i>Giám định tổn thất</i>	-	1.058.060.595
Chi quản lý	217.281.395.587	218.741.562.050
<i>Chi phí nhân viên</i>	26.916.325.208	34.091.771.097
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	94.048.287.330	37.189.942.978
<i>Chi phí hỗ trợ khen thưởng đại lý</i>	44.815.183.748	14.495.573.016
<i>Chi bằng tiền khác</i>	51.501.599.301	132.964.274.959
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	177.708.035	744.605.899
<i>Trích lập quỹ hiệp hội bảo hiểm</i>	177.708.035	744.605.899
Cộng	280.573.381.862	292.361.259.587
06. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	17.396.961.337	21.455.034.574
Doanh thu từ hoạt động bán chứng khoán	245.065.237	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	459.983.500	444.983.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	4.306.668	267.894.578
Cộng	18.106.316.742	22.167.912.652
07. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	8.185.458.613	20.653.940.163
Lãi phải trả Vinataba	-	1.730.312.378
Thanh lý khoản đầu tư (*)	24.000.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	31.891.359
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.638.127.657)	6.452.320.911
Chi phí tài chính khác	36.621.400	-
Cộng	30.583.952.356	28.868.464.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Trong năm công ty chuyển nhượng lỗ khoản đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Đồng Tâm với tổng giá trị chuyển nhượng là 6.500.000.000 VND, giá gốc là 30.500.000.000 VND.

	Năm 2023	Năm 2022
08. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	23.631.588.704	37.575.728.355
Chi phí vật liệu quản lý	1.788.414.234	2.687.366.670
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.856.258.939	1.269.355.140
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.686.586.599	9.732.491.928
Thuế, phí và lệ phí	16.367.951	36.484.966
Thuế GTGT không khấu trừ	11.753.323.311	15.493.250.534
Dự phòng phải thu khó đòi	20.633.850.851	(14.771.062.528)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.532.593.920	45.103.063.720
Chi phí bằng tiền khác	4.197.976.270	9.506.638.879
Cộng	97.096.960.779	106.633.317.664
09. Thu nhập hoạt động khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định (*)	-	91.479.091
Thu xử lý VDSE xóa nợ	-	34.745.165.389
Xử lý công nợ	32.114.865.281	44.283.659
Thu nhập khác	170.211.535	318.214.533
Cộng	32.285.076.816	35.199.142.672
10. Chi phí hoạt động khác		
Giá trị xử lý chi phí dở dang	5.982.377.520	-
Xử lý công nợ	22.984.718.817	121.707.435
Phạt chậm nộp	819.646.920	-
Chi phí khác	473.379.849	944.744.209
Cộng	30.260.123.106	1.066.451.644
(*) Thuyết minh thanh lý tài sản cố định		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	91.479.091
Chi từ thanh lý tài sản cố định	-	-
Lãi/(lỗ) từ thanh lý tài sản cố định	-	91.479.091
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.012.612.967	1.140.610.022
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.425.122.641	636.125.714
<i>Chi phí không hợp lý</i>	1.885.106.141	1.081.109.214
- Các khoản điều chỉnh giảm	(459.983.500)	(444.983.500)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(459.983.500)	(444.983.500)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	2.437.735.608	1.776.735.736
4. Thuế suất TNDN năm hiện hành	20%	20%
5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	487.547.122	355.347.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	525.065.845	785.262.875
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	525.065.845	785.262.875
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	69.989.800	69.989.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	11
13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	525.065.845	785.262.875
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	525.065.845	785.262.875
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	69.989.800	69.989.800
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	69.989.800	69.989.800
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	8	11

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	9.257.618.174	98.359.086.344
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(21.282.582.919)	(51.760.211.389)

VIII. THUYẾT MINH CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty có các chỉ số tài chính xấu hơn mức bình thường; nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối âm quá 50,9% vốn góp chủ sở hữu.

Bảng các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc về các hành động trong tương lai để cải thiện khả năng hoạt động liên tục của Công ty:

Năm 2023 cùng việc tái cấu trúc lại các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và toàn bộ hệ thống chỉ nhánh văn phòng đại diện, Ban điều hành của VASS, chú trọng phát triển nghiệp vụ kinh doanh có hiệu quả như nghiệp vụ hàng, tàu, tài sản kỹ thuật đồng thời chú trọng phát triển hệ thống theo hướng chuyển đổi số, đẩy mạnh kênh kinh doanh online.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tăng vốn góp từ các cổ đông hiện hữu và cổ đông mới.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị đã đặt ra rất nhiều mục tiêu cho quá trình tái cấu trúc bằng những quyết định thành lập những Ban tái cấu trúc, Hội đồng thu hồi công nợ và phát triển kinh doanh, ban Công nghệ thông tin. Ban điều hành cũng đã xây dựng một kế hoạch hành động trên tất cả các mặt nhằm mục đích thay đổi và thích ứng với tình hình thực tại.

Công ty đánh giá rằng công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai dựa trên bảng kế hoạch của Ban lãnh đạo về các hành động cải thiện khả năng hoạt động liên tục cùng với sự hỗ trợ vốn từ cổ đông mới và sự hợp tác cơ cấu và giãn nợ của các chủ nợ.

3. Giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu, (phải trả)
Công ty CP DV & ĐT Lian	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	Phải thu khác	744.375.000	744.375.000
		Cho vay tiền	747.000.000	747.000.000
Cty CP Cấp nước Aquaone	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	Hợp tác kinh doanh	-	60.000.000.000
		Lãi cho vay	3.568.504.287	6.700.000.000
Công ty CP Đầu tư Thái Bảo	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	Lãi cho vay	1.784.577.079	4.226.582.477
Quỹ hỗ trợ Môi trường xanh Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	Lãi cho vay	570.600.000	1.045.109.787
Công ty CP Dăm Bảo Vina	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	Lãi cho vay	1.523.506.849	7.273.103.930

Thu nhập Nhân sự chủ chốt			Năm 2023	Năm 2022
Bà Đỗ Thị Minh Đức	Chủ tịch HĐQT	Lương + thưởng	600.000.000	607.590.000
Bà Trương Ngô Sen	Phó Chủ tịch HĐQT	Lương + thưởng	600.000.000	607.590.000
Bà Phạm Phương Chi	Thành viên HĐQT	Lương + thưởng	240.000.000	240.995.671
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên HĐQT	Lương + thưởng	360.000.000	350.000.000
Ông Lương Hồng Thái	Thành viên HĐQT	Lương + thưởng	520.000.000	610.490.040
Ông Huỳnh Thái Hòa	Tổng Giám đốc	Lương + thưởng	600.000.000	440.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	P. Tổng Giám đốc	Lương + thưởng	330.000.000	388.448.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh năm 2023:

Chỉ tiêu	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận
Kinh doanh bảo hiểm	455.877.718.592	444.412.423.721	11.465.294.871
Hoạt động tài chính	18.106.316.742	30.583.952.356	(12.477.635.614)
Hoạt động khác	32.285.076.816	30.260.123.106	2.024.953.710
Lợi nhuận kế toán trước thuế	506.269.112.150	505.256.499.183	1.012.612.967

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh năm 2022:

Chỉ tiêu	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận
Kinh doanh bảo hiểm	427.049.540.698	453.341.069.545	(26.291.528.847)
Hoạt động tài chính	22.167.912.652	28.868.464.811	(6.700.552.159)
Hoạt động khác	35.199.142.672	1.066.451.644	34.132.691.028
Lợi nhuận kế toán trước thuế	484.416.596.022	483.275.986.000	1.140.610.022

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý trong năm:

Công ty kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về khu vực địa lý nên không trình bày.

5. Cơ chế quản trị rủi ro

Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Công ty từ các sự kiện cản trở Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Công ty.

Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giá định về rủi ro tồn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty tại Việt Nam phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải thanh toán bồi thường, nhà cung cấp... và đáp ứng các quy định về biến khả năng thanh toán tại Việt Nam. Trong năm, HĐQT và Ban điều hành của VASS đã nỗ lực đẩy mạnh các biện pháp nhằm đảm bảo biến khả năng thanh toán như giảm tối đa doanh thu về sản phẩm sức khỏe, thu hồi tạm ứng, thu hồi các khoản cho vay tổ chức, cá nhân... Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định trong những Quyết định và Thông tư của Bộ Tài chính.

Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được đưa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh;

Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và rủi ro tài chính**6.1. Quản lý rủi ro bảo hiểm****Phân tích các giá định, thay đổi giá định và phân tích độ nhạy**

Quy trình xây dựng các giá định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thống số đầu vào cho các giá định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giá định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giá định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều khoản mục ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

6.2. Quản trị rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chờ đáo hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay, nợ và tiền với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng không đáng kể đối với công ty.

	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		
VNĐ	+100	1.618.319.894
VNĐ	-100	(1.618.319.894)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
VNĐ	+100	1.821.758.132
VNĐ	-100	(1.821.758.132)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 416.931.250 đồng Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 2.155.803.150 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Hiện tại, Công ty chưa có các chính sách hạn chế cung cấp tín dụng khi khách hàng có dấu hiệu khả năng thanh toán trễ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày: 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn bị suy giảm		
		Dưới 90 ngày	91-180 ngày	> 181 ngày
Phải thu khách hàng				
31 tháng 12 năm 2023	61.727.795.655	-	-	97.912.161.991
Dự phòng	-	-	-	(95.229.154.654)
Giá trị thuần	61.727.795.655	-	-	2.683.007.337
31 tháng 12 năm 2022	31.416.359.712	-	-	106.959.400.310
Dự phòng	-	-	-	(93.418.038.796)
Giá trị thuần	31.416.359.712	-	-	13.541.361.514

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo thời hạn hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	98.885.410.940	-	-	98.885.410.940
- Phải trả ngắn hạn khác và chỉ phí phải trả	11.120.966.380	-	-	11.120.966.380
- Vay và nợ	37.629.041.018	106.941.575.844	-	144.570.616.862
Cộng	147.635.418.338	106.941.575.844	-	254.576.994.182
31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
- Vay và nợ	45.905.926.411	110.689.655.196	-	156.595.581.607
- Phải trả người bán	112.736.723.790	-	-	112.736.723.790
- Phải trả ngắn hạn khác và chỉ phí phải trả	6.654.839.484	-	-	6.654.839.484
Cộng	165.297.489.685	110.689.655.196	-	275.987.144.881

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tiền gửi có kỳ hạn, bất động sản là tài sản công ty để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn).

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem chi tiết trang 49)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định theo giá trên tham khảo trên các trang website các công ty chứng khoán và các sản giao dịch chứng khoán OTC tại ngày kết thúc năm tài chính. Các cổ phiếu công ty không có giá tham chiếu công ty ghi nhận theo giá gốc hoặc giá đã ghi nhận kỹ trước.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính dài hạn mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

10. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

11. Biên khả năng thanh toán

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty tại Việt Nam phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải thanh toán bồi thường, nhà cung cấp... và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Trong năm, HĐQT và Ban điều hành của VASS đã nỗ lực đẩy mạnh các biện pháp nhằm đảm bảo biên khả năng thanh toán như giảm tối đa doanh thu về sản phẩm sức khỏe, thu hồi tạm ứng, thu hồi các khoản cho vay tổ chức, cá nhân... Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định trong những Quyết định và Thông tư của Bộ Tài chính.

12. Vấn đề khác

Theo báo cáo của Công ty tại Công văn số 233/2023/CV-VAS/TGD ngày 12/7/2023 và danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 18/5/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp, Công ty có vốn điều lệ là 700 tỷ đồng, số lượng cổ đông là 826 cổ đông, trong đó tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn là 90,44%, cổ đông nhỏ là 9,56%. Như vậy Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành.

Theo Công văn số 6191/UBCK-GSDC ngày 19/9/2023 của UBCKNN về việc thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng của IFA, theo đó UBCKNN sẽ xem xét hủy tư cách công ty đại chúng cho Công ty sau 01 năm kể từ ngày 18/5/2023 trong trường hợp Công ty không đáp ứng được điều kiện công ty đại chúng tại thời điểm đó.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Đặng Đức Hoàng

Huỳnh Thái Hòa